

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2025

*V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung của vợ chồng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh

phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Vân Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh.

2. Ông Nguyễn Đức Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 757/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2025/QĐXXST-HN ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh ngày 08/10/1982. Địa chỉ: ấp H, xã B (trước đây là xã H), huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 24/5/1981. Địa chỉ: ấp H, xã B (trước đây là xã H), huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà và ông T sống chung từ 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã B), huyện C, Tỉnh Tiền Giang. Hôn nhân do mai mối. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã và còn mâu thuẫn về kinh tế. Ông T không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Sau khi uống rượu bia về thì ông thường đập phá đồ trong nhà, đánh đập và xúc phạm bà. Ông bà đã cố hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu tòa giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 10/10/2008 hiện nay cháu T1 đang sống cùng bà và ông T. Sau ly hôn, bà N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2024, bà N1 trình bày vợ chồng có xây dựng 01 căn nhà kết cấu vách tường, mái tôn, cột bê tông, ngang 8m dài khoảng 26m, diện tích khoảng 208m², trị giá khoảng 500.000.000 đồng được cất trên thửa

đất số 2296, tờ bản đồ số 01, đất áp H, xã B (trước đây là xã H), huyện C, tỉnh Tiền Giang, đất do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho bà Phan Thị N ngày 28/3/2022. Bà N yêu cầu chia đôi căn nhà và yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà, bà đồng ý hoàn lại cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà giá trị khoảng 250.000.000đồng. Đến ngày 16/01/2025, nguyên đơn rút lại yêu cầu chia tài sản chung, để bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung bà N cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày: Ông thống nhất trình bày của bà N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Theo ông nhận thấy, giữa ông và bà N chỉ có mâu thuẫn nhỏ. Ông thừa nhận ông có uống rượu bia về đập phá đồ chứ không đánh bà N như bà trình bày. Ông không đồng ý ly hôn với bà N vì ông còn thương vợ thương con. Nếu Tòa chấp nhận yêu cầu của bà N cho bà ly hôn thì ông cũng thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 10/10/2008 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan Nhủ về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, về nội dung vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T, yêu cầu được nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung. Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”. Ông Nguyễn Hoàng T cư trú tại H, xã B (trước đây là xã H), huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N1, về hôn nhân, Tòa xét thấy: Theo lời trình bày của bà N1 thì bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân do mai mối, ông bà không có thời gian tìm hiểu tính cách của nhau. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc không lâu, một năm sau tức năm 2008 đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì thương con, bà đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến nay thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, mỗi người có cuộc sống riêng, ông T không quan tâm, chăm sóc vợ con nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T thừa nhận ông có uống rượu bia về đập phá đồ đạc trong nhà chứ không đánh đập bà N1 như bà trình bày. Ông không đồng ý ly hôn với bà N1 vì còn thương vợ thương con, nhưng ông không có giải pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng, còn bà N1 thì cương quyết ly hôn vì không còn tình cảm với ông T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập và ông T đều vắng mặt không có lý do, cho thấy ông T không có thành ý cứu vãn mối quan hệ vợ chồng với bà N1. Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Do đó, Tòa chấp nhận yêu cầu của bà N1, cho bà được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Bà N1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 10/10/2008; cháu T1 hiện đang sinh sống ổn định cùng bà N1; cháu T1 cũng có

nguyện vọng được sống với mẹ; bà N1 có đủ điều kiện nuôi con. Ông T cũng không tranh chấp về con chung, thống nhất giao cháu T1 cho bà N1 tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu được nuôi con của bà N1 là phù hợp với thực tế và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N1 không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ngày 16/01/2025 bà N1 rút yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; ông T cũng thống nhất để ông và bà tự thỏa thuận. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

[5] Về nợ chung: Bà N1 và ông T thống nhất là không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56 và Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1.
 - Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N1 được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.
 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng T1, sinh ngày 10/10/2008 cho bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
 - Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.
2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị N1.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N1 đã nộp 6.550.000 đồng theo các biên lai số 0012296, 0012297 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên hoàn lại cho bà N1 6.250.000 đồng.
3. Bà Nguyễn Thị N1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, Tiền Giang;
- UBND xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Phạm Vân Trang